TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁP MƯỜI** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2024/HNGĐ-ST
Ngày 29-01-2024
"Về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con giữa chị Trần Thị Mai T và anh Nguyễn Đức T"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI, TỈNH ĐỒNG THÁP

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Kiến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Văn Hiến.

Bà Nguyễn Thị Thanh Trang.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Hồ Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười.

Ngày 29 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 393/2023/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 10 năm 2023, về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 06/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2024/QĐST-HNGĐ ngày 16/01/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Mai T, sinh năm 1990; địa chỉ: Ấp 6B, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1989; địa chỉ: Ấp 5A, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị T có mặt tại phiên tòa, anh T vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Mai T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh T tự nguyện quen biết tìm hiểu nhau thời gian khoảng 03 năm thì quyết định đi đến hôn nhân và được gia đình hai

bên tổ chức lễ cưới vào năm 2020, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 04/11/2020.

Sau khi cưới, vợ chồng chung sống có hạnh phúc thời gian đầu, đến khoảng giữa năm 2021 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và đến tháng 4/2022 thì mâu thuẫn rơi vào đỉnh điểm. Nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn là do giữa vợ chồng không cùng quan điểm về mọi mặt trong cuộc sống nên thường xuyên xảy ra cải vả, và điều chị T không thể chấp nhận là việc anh T không có chính kiến trong cuộc sống, không quan tâm chăm lo cho vợ con. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7/2021 đến nay không hàn gắn được tình cảm. Trong thời gian vợ chồng sống xa nhau thì chị T nhiều lần cho anh T cơ hội hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Do đó, tình cảm của chị T đối với anh T ngày càng nhợt nhạt hơn, chị nhận thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đến nay vẫn không thể giải quyết được, hạnh phúc hôn nhân không đạt được, chị đã hết tình cảm yêu thương và không thể tiếp tục đời sống vợ chồng với anh T nên nay chị T kiên quyết yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Đức T.

Về quan hệ nuôi con: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Trần Tuấn A, sinh ngày 17/11/2021. Hiện con chung đang do chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung; chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các phiên hòa giải, anh Nguyễn Đức T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T cũng thống nhất với lời trình bày của chị T là vợ chồng tự nguyện quen biết yêu thương nhau thời gian khoảng 03 năm thì quyết định tiến đến hôn nhân, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2020, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 04/11/2020.

Sau khi cưới, vợ chồng chung sống có hạnh phúc thời gian đầu, đến khoảng giữa năm 2021 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và đến tháng 4/2022 thì mâu thuẫn rơi vào đỉnh điểm. Nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn là do do sự khác biệt về tính cách, bất đồng quan điểm với nhau về mọi mặt trong cuộc sống dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên xảy ra cải vả. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7/2021 đến nay không hàn gắn được tình cảm. Anh T cho rằng hiện tại, anh T vẫn còn thương vợ thương con, muốn con chung có đủ đầy tình thương của cha và mẹ, anh xin chị T cho anh thêm một cơ hội để hàn gắn tình cảm vợ chồng nên anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Trần Thị Mai T. Anh T cam đoan sẽ giành thời gian nhiều hơn cho vợ con, cân bằng giữa công việc và gia đình.

Về quan hệ nuôi con: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Trần Tuấn A, sinh ngày 17/11/2021. Hiện con chung đang do chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, anh đồng ý để chị T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Về cấp dưỡng vợ chồng sẽ tự thỏa thuận không yêu cầu ghi nhận vào biên bản.

Về quan hệ tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Trần Thị Mai T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Đức T nên xác định đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh T có địa chỉ cư trú tại xã T, huyện Tháp Mười nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Theo Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2024/QĐST-HNGĐ ngày 16/01/2024 của Tòa án thì Hội thẩm nhân dân là ông Nguyễn Trọng Ngữ và bà Nguyễn Thị Thanh Trang. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay do ông Ngữ bận công tác đột xuất không thể tham gia phiên tòa nên được thay thế bởi ông Đào Văn Hiến là Hội thẩm nhân dân dự khuyết. Đương sự có mặt thống nhất đồng ý việc thay đổi này. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[1.3] Về sự vắng mặt của bị đơn: Tại phiên tòa sơ thẩm, anh T mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân:

Chị Trần Thị Mai T và anh Nguyễn Đức T tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 04/11/2020 theo giấy chứng nhận kết hôn số 69 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện T đã tuân thủ đúng điều kiện, trình tự, thủ tục về đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại thời điểm xác lập quan hệ hôn nhân nên được công nhận là vợ chồng hợp pháp.

Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy

nhiên, chị T và anh T không làm được điều đó. Chị T và anh T cùng xác định do vợ chồng không hợp tính tình nên thường xuyên có những bất đồng nhỏ trong cuộc sống thường ngày, tuy nhiên cuộc sống vẫn có hạnh phúc đến khoảng cuối năm 2021 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và đến khoảng giữa năm 2022 thì mâu thuẫn vợ chồng rơi vào đỉnh điểm; tại phiên hòa giải, anh chị cũng thống nhất nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn giữa vợ chồng là do sự khác biệt về tính cách, bất đồng quan điểm với nhau về mọi mặt trong cuộc sống dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên xảy ra cải vả. Kể từ tháng 7/2021 thì do tình hình dịch bệnh nên vợ chồng sống xa nhau và khi hết dịch thì do công việc nên mỗi người sống một nơi, thời gian đầu xa nhau thì anh T có tới lui thăm nom vợ con và phụ cấp kinh tế cùng chị T nuôi con chung, nhưng sau đó do anh tập trung thời gian và kinh tế đầu tư cho công việc mới nên không có quan tâm tới lui thăm nom cũng như phụ cấp kinh tế cùng chị T nuôi con chung.

Về phía chị T cho rằng chị không thể chấp nhận việc anh T không có chính kiến trong cuộc sống và cũng không quan tâm chăm lo cho vợ con. Trong suốt thời gian vợ chồng sống xa nhau chị T đã nhiều lần cho anh T cơ hội để hàn gắn tình cảm nhưng anh không có thiện chí nên tình cảm của chị T đã dần phai nhạt, chị không thể tiếp tục đời sống vợ chồng với anh T nên nay chị T vẫn kiên quyết yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về phía anh T cũng thừa nhận tại phiên hòa giải rằng khi anh bắt đầu công việc mới thì anh không có bàn bạc thống nhất ý kiến với chị T vì anh không muốn chị T lo lắng, và anh quyết định công việc mới cũng vì mong muốn sau này vợ con có cuộc sống tốt hơn. Và đối với công việc mới này, ban đầu anh dự định sẽ thực hiện ở quê nhà để gần vợ con nhưng sau đó thì không phù hợp nên anh phải thay đổi kế hoạch triển khai thực hiện ở vùng đất khác vì có tiềm năng khách hàng hơn. Hiện tại, anh T cho rằng vẫn còn thương vợ thương con, muốn con chung có đủ đầy tình thương của cha và mẹ, anh xin chị T cho anh thêm một cơ hội để hàn gắn tình cảm vợ chồng nên anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T. Và biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng của anh T là anh sẽ cất nhà để vợ chồng ở riêng, có thể cất nhà ở thành phố Gia Lai hoặc thành phố Hồ Chí Minh đều được chỉ cần chị T đồng ý; Nếu chị T đồng ý về Gia Lai sinh sống thì anh sẽ sắp xếp công việc mới cho chị T ổn định nghề nghiệp, còn nếu cất nhà ở thành phố Hồ Chí Minh thì anh sẽ đi đi về về giữa Gia Lai và thành phố Hồ Chí Minh; Đồng thời, anh T cam đoan sẽ giành thời gian nhiều hơn cho vợ con, cân bằng giữa công việc và gia đình.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh T là trầm trọng, bởi lẽ anh chị đều xác định mâu thuẫn rơi vào đỉnh điểm là vào khoảng giữa năm 2022 và vợ chồng cũng đã sống ly thân từ đó đến nay. Tại phiên hòa giải, tuy anh T có đưa ra giải pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng tính đến tại thời điểm phiên tòa hôm nay thì mâu thuẫn giữa vợ chồng

vẫn chưa giải quyết được, anh T vắng mặt tại các phiên tòa, về phía chị T vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn với anh T. Từ những diễn biến trong mối quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T như đã nêu trên cho thấy quan hệ hôn nhân giữa anh chị trong thời gian qua đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho mâu thuẫn lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên xét thấy việc chị T yêu cầu được ly hôn với anh T là có cơ sở để chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

"*1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.*

……"

[2.2] Quan hệ nuôi con:

Cháu Nguyễn Trần Tuấn A, sinh ngày 17/11/2021 là con chung của chị Trần Thị Mai T và anh Nguyễn Đức T, việc này có giấy khai sinh cháu để chứng minh. Chị T và anh T xác định từ trước đến nay con chung do chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con; tại phiên hòa giải, anh T cũng đồng ý giao con chung cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Hội đồng xét xử xét thấy, chị T có việc làm ổn định và trong suốt quá trình vợ chồng xảy ra mâu thuẫn phải sống ly thân thì con chung đều do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, đã ổn định về tâm sinh lý, cháu đang phát triển bình thường như bao đứa trẻ cùng trang lứa. Hơn nữa, cháu Nguyễn Trần Tuấn A là con chung dưới 36 tháng tuổi rất cần thiết được người mẹ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng để cháu phát triển tốt cả về thể lực và trí tuệ. Đồng thời, để đảm bảo tâm lý của trẻ được ổn định khi cha mẹ ly hôn, không làm xáo trộn cuộc sống hiện tại của con trẻ; Hội đồng xét xử xét thấy việc giao cháu Nguyễn Trần Tuấn A cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 82 và khoản 2 Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, chị Trần Thị Mai T và các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Nguyễn Đức T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Tuấn A. Anh Nguyễn Đức T là người không trực tiếp nuôi con chung nên không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con của chị Trần Thị Mai T.

[2.3] Cấp dưỡng nuôi con: Do chị Trần Thị Mai T không có yêu cầu cấp dưỡng và anh Nguyễn Đức T cũng không có yêu cầu xem xét ghi nhận việc cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.4] Quan hệ tài sản: Chị Trần Thị Mai T và anh Nguyễn Đức T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.5] Quan hệ nợ: Chị Trần Thị Mai T và anh Nguyễn Đức T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Chị Trần Thị Mai T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo thực hiện theo quy định tại các Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Mai T.

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị Mai T và anh Nguyễn Đức T.

Về quan hệ nuôi con:

Giao con chung tên Nguyễn Trần Tuấn A, sinh ngày 17/11/2021 cho chị Trần Thị Mai T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng (Hiện con chung đang do chị T trực tiếp nuôi dưỡng).

Chị Trần Thị Mai T và các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Nguyễn Đức T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh Nguyễn Đức T là người không trực tiếp nuôi con chung không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con của chị Trần Thị Mai T.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về quan hệ tài sản: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về quan hệ nợ: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Trần Thị Mai T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 000868 ngày 12/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười (đã nộp xong).

Chị Trần Thị Mai T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Đức T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyệnTháp Mười;
- Chi cục THADS huyệnTháp Mười;
- UBND xã T, huyện T;
(GCNKH số 69 ngày 04/11/2020);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án (Linh), VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Kiến